

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EAKAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/HNGĐ.

Ngày 31/01/2024.

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Ngọc.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Khắc Dũng và ông Nguyễn Thế Hằng.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên Tòa:* Ông Hồ Quốc Nam.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông Dương Minh Xuân, chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 31/01/2024, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 386/2023/TLST – HNGĐ, ngày 12/10/2023 về việc “*Ly hôn tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2023/HNGĐ – ST, ngày 11/12/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10/01/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị H. Sinh năm: 1982.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Đình Ph. Sinh năm: 1978.

Nơi ĐKKHTT: Thôn Đ, xã T, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:*

Tôi và ông Nguyễn Đình Ph có về chung sống với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 29/10/2001.

Sau khi về chung sống vợ chồng sống không được hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Ph không lo làm ăn kinh tế, không quan tâm, thường xuyên đi chơi. Bản thân ông Phú thường xúc phạm tôi và quan hệ với người phụ nữ khác. Nên đến khoảng tháng 9/2023 tôi đã làm đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Ph và được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định, sau khi thụ lý ông Ph xin được đoàn tụ, thay đổi tính cách, nhưng sau khi về chung sống thì ông Phú vẫn tính nết tặc tử không thể thay đổi được, nay xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể kéo dài cuộc sống chung nên tôi làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với ông Ph.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chúng tôi có 03 người con chung là cháu Nguyễn Thị Huyền Tr, sinh năm 16/07/2002; cháu Nguyễn Đình Ng, sinh năm 22/06/2004; cháu Nguyễn Đình N, sinh ngày 19/12/2017, hiện nay cháu Tr và cháu Ng đã trưởng thành. Còn cháu N tôi có nguyện vọng được nuôi dưỡng chăm sóc cháu đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn ông Nguyễn Đình Ph, sau khi thụ lý và quá trình giải quyết Tòa án triệu tập ông Ph đến Tòa làm việc để giải quyết vụ án nhưng ông Ph không chấp hành hợp tác để giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Ph nhưng ông Ph vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Do đó, vụ án không thể tiến hành hòa giải được. Căn cứ Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ngày 10 tháng 01 năm 2024, Toà án nhân dân huyện Ea Kar tiến hành mở phiên toà xét xử vụ án, bị đơn ông Ph vắng mặt không có lý do. Căn cứ Khoản 1 Điều 227, Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự. HĐXX quyết định hoãn phiên toà.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Phú vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Đình Ph.

Phát biểu quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý, đến khi xét xử, Thẩm phán tuân theo quy định tại Điều 198 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, như lập hồ sơ vụ án, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, tổng đạt văn bản tố tụng và quyết định của Tòa án cho đương sự, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định, thành phần Hội đồng xét xử và trình tự thủ tục tố tụng tại phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định của pháp luật. Còn đối với bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án chưa chấp hành và vắng mặt không có lý do.

Về nội dung: Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phạm Thị H, Cho bà Phạm Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Đình Ph.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Đình N, sinh ngày 19/12/2017 cho bà H. Còn đối với cháu Tr và Ng đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về án phí nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên HĐXX xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Phạm Thị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ea Kar giải quyết việc ly hôn với ông Nguyễn Đình Ph. Bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã T, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Đình Ph trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa lần thứ 2 đều vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Đình Ph đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã T, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 29/10/2001 trên cơ sở tự nguyện, xét thấy đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống không hạnh phúc vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, Nguyên nhân là do ông Ph không lo làm ăn kinh tế, không quan tâm đến gia đình. Bản thân ông Ph thường xúc phạm, có hành vi bạo lực gia đình đối với bà H và quan hệ với người phụ nữ khác. Nên đến khoảng tháng 9/2023 bà H đã làm đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Ph và được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định, sau khi thụ lý ông Ph xin được đoàn tụ, thay đổi tính cách, nhưng sau khi về chung sống thì ông Ph vẫn không thể thay đổi được.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng để ông Ph thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, bản thân ông Ph biết nhưng đều từ chối và vắng mặt không có lý do. Vì vậy ông Ph phải chịu hậu quả về việc vắng mặt của mình.

Qua phân tích nhận định trên xác định nguyên nhân mâu thuẫn mà bà H đã trình bày là có căn cứ, phù hợp với biên bản xác minh tại chính quyền địa phương và tại hồ sơ Tòa án đã giải quyết trước đó. Xét thấy hiện nay, mâu thuẫn giữa bà H và ông Ph đã trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc cho nhau. Nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Phạm Thị H. Cho bà H được ly hôn với ông Ph là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng bà H và ông Ph có 03 người con chung là cháu Nguyễn Thị Huyền Tr, sinh năm 16/07/2002; cháu Nguyễn Đình Ng, sinh năm 22/06/2004; cháu Nguyễn Đình N, sinh ngày 19/12/2017.

Hiện nay cháu Tr và cháu Ng đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết.

Còn cháu Nguyễn Đình N, sinh ngày 19/12/2017 quá trình giải quyết vụ án bà H có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành. HĐXX xét thấy hiện nay cháu N đang còn nhỏ cần phải có sự chăm sóc giáo dục của

người mẹ nên HĐXX cần giao cháu N cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc đến tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Về trợ cấp tiền nuôi dưỡng con chung: Không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 203, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phạm Thị H.

* **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Phạm Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Đình Ph.

* **Về con chung:** Giao con chung là cháu Nguyễn Đình N, sinh ngày 19/12/2017 cho bà Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Còn đối với cháu Nguyễn Thị Huyền Tr, sinh năm 16/07/2002; cháu Nguyễn Đình Ng, sinh năm 22/06/2004 đã trưởng thành nên không đặt ra để giải quyết.

Về trợ cấp nuôi dưỡng con chung: Không yêu cầu nên không xem xét để giải quyết.

Ông Nguyễn Đình Ph được quyền đi lại thăm, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Tuy nhiên, ông Nguyễn Đình Ph không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết, các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung.

- **Về tài sản chung, nợ chung và tài sản cho người khác vay:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2023/0000017 ngày 12/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được

quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện EaKar;
- THADS huyện EaKar;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Ngọc